TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN LỨC** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2017/HSST
Ngày: 07-7-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Ngọc Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Ẩn.

2. Ông Lê Văn Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Huy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thuận – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 07 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 32/2017/HSST ngày 07 tháng 6 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2017/HSST-QĐ ngày 26 tháng 6 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Chí L, tên gọi khác: N, sinh năm: 1988 tại TP.Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: C9/11, khu phố 4, thị trấn T, huyện B, TP.HCM; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 03/12; con ông Nguyễn Vĩnh Đ và bà Nguyễn Thị Kim H; bản thân có vợ tên Lê Thị C, có 01 con sinh năm 2000; Tiền án: Ngày 21/8/2012 bị Tòa phúc thẩm TAND TP.HCM xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/09/2013; Ngày 21/10/2015 bị TAND huyện Bến Lức, Long An xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội " Trộm cắp tài sản" (ngày phạm tội 09/7/2015), chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/01/2017; tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 20-02-2017 cho đến nay, có mặt.

2. Nguyễn Hoàng T, tên gọi khác: không, sinh năm: 1980 tại Phú Yên; Nơi cư trú: thôn P, xã H, huyện P, Phú Yên; Tạm trú: Quận 6, TP.HCM. Nghề nghiệp: Chạy xe ôm; trình độ văn hóa: 6/12; con ông Nguyễn H và bà Huỳnh Thị C; bản thân có vợ tên Nguyễn Thị Hoài T; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 20-2-2017 cho đến nay, có mặt.

- Người bị hại: Trần Ngọc X, sinh năm 1992.

ĐKTT: Ấp 5, xã M, huyện B, tỉnh Long An.(Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Trần Ngọc D, sinh năm 1994.

ĐKTT: Ấp 5, xã M, huyện B, tỉnh Long An.(Vắng mặt)

2. Huỳnh Văn S, sinh năm 1964.

ĐKTT: ấp 3, xã T, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh.(Vắng mặt)

3. Nguyễn Thị Hoài T, sinh năm 1998.

ĐKTT: thôn P, xã H, huyện P, Phú Yên;

Tạm trú: Quận 6, TP.HCM.(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 20 phút ngày 11/02/2017, Nguyễn Chí L đi đến điểm chơi bắn cá ở đầu đường Nguyễn Văn bị cáo L thuộc huyện B, TP.HCM thì gặp Nguyễn Hoàng T cũng đang chơi bắn cá tại đây. Khi bị cáo L và bị cáo T chơi bắn cá thua hết tiền, bị cáo L rủ bị cáo T đi tìm tài sản để trộm bán lấy tiền chia nhau tiêu xài, bị cáo T đồng ý. Bị cáo T lấy xe mô tô biển số 59F1-439.34 thuê của anh Nguyễn Hoàng S chở bị cáo L đi từ huyện B,TP.HCM đi đến huyện B tỉnh Long An. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, bị cáo T chở bị cáo L đi ngang qua nhà trọ "Phước Sang", ấp P, xã T, huyện B, bị cáo L phát hiện 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave Alpha, biển số 62N1-278.84 thuộc sở hữu của Trần Ngọc D, anh D cho anh ruột là Trần Ngọc X mượn xe đi đến nhà trọ "Phước Sang", khi đến anh Xuyên dựng xe trước phòng trọ số 4, xe khóa cổ, không người trong coi, nên bị cáo L kêu bị cáo T dừng xe lại, bị cáo T đứng ngoài cảnh giới, ị cáo L đi đến xe mô tô 62N1-278.84 dùng đoản đã chuẩn bị sẵn bẻ khóa xe dẫn ra khỏi nhà trọ, lên xe đề máy cùng bị cáo T chạy về TP.HCM tiêu thụ. bị cáo L bán xe mô tô 62N1-278.84 vừa trộm được cho 02 thanh niên (không rõ tên, địa chỉ) được 8.000.000 đồng tiêu xài cá nhân hết, bị cáo L không chia cho bị cáo T. Xe mô tô biển số 62N1-278.84, hiện cơ quan CSĐT Công an huyện Bến Lức không thu hồi được.

Tại biên bản định giá tài sản số 04/BB-TCKH ngày 23/02/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bến Lức, kết luận: Xe mô tô biển số 62N1-278.84, hiệu honda, loại Wave Alpha, trị giá 14.240.000 đồng.

Tại cáo trạng số 37/QĐ-KSĐT ngày 06-6-2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức truy tố bị cáo Nguyễn Chí L về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c Khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự và bị cáo Nguyễn Hoàng T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức trong phần luận tội đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo đã thật thà khai báo, biết ăn năn hối cải, hiện hoàn cảnh gia đình các bị cáo gặp khó khăn, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho 2 bị cáo. Riêng bị cáo Nguyễn Hoàng T đã tác động gia đình khắc phục một phần hậu quả nên xem xét giảm cho các bị cáo một phần về hình phạt. Do đó, cần cho bị cáo bị cáo L hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự, cho bị cáo bị cáo T hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 53, Điều 45, Điều 33 Bộ luật hình sự xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Chí L từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 53, Điều 45, Điều 33 Bộ luật hình sự xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Hoàng T từ 09 tháng đến 01 năm tù.

Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật Hình sự quy định "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng", do đó, các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo không có thu nhập, điều kiện kinh tế còn khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại Trần Ngọc X yêu cầu bị cáo T và bị cáo L bồi thường 14.240.000 đồng.

Gia đình bị cáo bị cáo T đã nộp trước số tiền là 7.120.000 đồng, do đó đề nghị buộc bị cáo Nguyễn Chí L phải bồi thường cho anh X số tiền là 7.120.000 đồng.

Về vật chứng:

- 01 điện thoại di động hiệu (ĐTDĐ) Nokia màu đen của Nguyễn Chí L, 01 ĐTDĐ Nokia, màu vàng của Nguyễn Hoàng T, không sử dụng vào việc phạm tội, hiện cơ quan CSĐT đã trả lại cho bị cáo L và bị cáo T là phù hợp.

- 01 xe mô tô hiệu Exiter, màu đỏ - đen, biển số 59F1-439.34 thuộc sở hữu của Huỳnh Văn S, bị cáo T thuê xe anh Sơn đi, sau đó dùng làm phương tiện phạm tội, anh Sơn không biết, hiện cơ quan CSĐT đã trả cho anh S là phù hợp.

- 01 cây đoản lục giác, ống điếu số 8 và 01 tay quay của bị cáo L, bị cáo L sử dụng làm công cụ phạm tội nên áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự, Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy.

(Vật chứng hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức đang tạm giữ theo Quyết định chuyển vật chứng số 21/QĐ-KSĐT ngày 06-6-2017 của Viện

kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức và biên bản giao nhận vật chứng ngày 08-6-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức).

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi của mình đúng như cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát đã nêu. Các bị cáo không tranh luận. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bến Lức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ khác mà cơ quan điều tra đã thu thập được thẩm tra tại phiên tòa có đủ cơ sở khẳng định bị cáo Nguyễn Chí L, Nguyễn Hoàng T là người đã thành niên, có đủ sức khỏe làm việc để tạo thu nhập cho bản thân nhưng với bản tính tham lam, động cơ, mục đích vụ lợi nên bị cáo đã nảy sinh ra ý định chiếm đoạt tài sản của người khác để bán lấy tiền tiêu xài nên khoảng 13 giờ 20 phút ngày 11/02/2017 bị cáo L rủ Nguyễn Hoàng T đi trộm cắp tài sản, bị cáo T đồng ý và điều khiển xe mô tô biển số 59F1-439.34 chở bị cáo L đi đến nhà trọ "Phước Sang" ấp P, xã T, huyện B lén lúc lấy trộm xe mô tô BS 62N1-278.84 trị giá 14.240.000đ của anh Trần Ngọc X mượn của anh ruột Trần Ngọc D đứng tên sở hữu, sau đó bị cáo L bán xe trộm được cho 02 thanh niên (không rõ tên, địa chỉ) được 8.000.000đ, bị cáo L một mình tiêu xài cá nhân hết đã đủ cơ sở kết luận các bị cáo phạm tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 138 Bộ luật hình sự. Do các bị cáo bị cáo L có hai tiền án về tội "Trộm cắp tài sản" chưa được xóa án tích mà lại phạm tội mới thuộc trường hợp "Tái phạm nguy hiểm" và là tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự nên Viện kiểm sát truy tố bị cáo Nguyễn Chí L về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c Khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự và bị cáo Nguyễn Hoàng T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu, các bị cáo xác định cáo trạng truy tố các bị cáo là không oan sai, các bị cáo không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt. Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt.

Hành vi trái pháp luật của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, với bản tính tham lam, động cơ, mục đích vụ lợi, muốn có tiền tiêu xài mà không phải bỏ công sức lao động của mình làm ra nên các bị cáo nảy sinh ra ý định chiếm đoạt tài sản của người khác bán lấy tiền tiêu xài nhằm phục vụ thỏa mãn nhu cầu của bản thân.

Hành vi của các bị cáo thực hiện do lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, xâm phạm trật tự an toàn xã hội. Các bị cáo cũng thừa biết tài sản của người khác là do công sức lao động làm ra được pháp luật bảo vệ và bất khả xâm phạm khi chưa có sự đồng ý của chủ sở hữu. Các bị cáo cũng nhận biết việc lén lút lấy trộm tài sản của anh X là vi phạm pháp luật nhưng vì bản tính tham lam nên bị cáo bất chấp chứng tỏ bị cáo đã xem thường pháp luật. Hành vi của bị cáo gây mất trật tự ở địa phương, làm cho nhân dân bất bình, hoang mang, lo sợ. Do đó cần phải xử lý bị cáo bằng một hình phạt thỏa đáng mới có thể giáo dục và phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo đã thật thà khai báo, biết ăn năn hối cải, hiện hoàn cảnh gia đình các bị cáo gặp khó khăn, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho 2 bị cáo. Riêng bị cáo Nguyễn Hoàng T đã tác động gia đình khắc phục một phần hậu quả nên xem xét giảm cho các bị cáo một phần về hình phạt. Do đó, cần cho bị cáo bị cáo L hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự, cho bị cáo bị cáo T hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Tuy nhiên phải xem xét vai trò, tính chất, mức độ, hành vi phạm tội cũng như nhân thân của từng bị cáo để áp dụng mức hình phạt cho phù hợp.

Bị cáo bị cáo L là người khởi xướng, rủ rê và là người thực hành.

Bị cáo bị cáo T là người giúp sức tích cực.

Cũng cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có thể cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật Hình sự quy định "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng", do đó, các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo không có thu nhập, điều kiện kinh tế còn khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại Trần Ngọc X yêu cầu bị cáo T và bị cáo L bồi thường 14.240.000 đồng. Hai bị cáo đồng ý. Do đó buộc 2 bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho anh Xuyên số tiền là 14.240.000 đồng. Gia đình bị cáo Nguyễn Hoàng T đã nộp số tiền 7.120.000 đồng tại cơ quan thi hành án theo biên lai thu số 05987 ngày 05-7-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức.

Do đó buộc bị cáo Nguyễn Chí L phải có trách nhiệm bồi thường tiếp cho anh Trần Ngọc X số tiền 7.120.000 đồng.

Về vật chứng:

- 01 điện thoại di động hiệu (ĐTDĐ) Nokia màu đen của Nguyễn Chí L, 01 ĐTDĐ Nokia, màu vàng của Nguyễn Hoàng T, không sử dụng vào việc phạm tội, hiện cơ quan CSĐT đã trả lại cho bị cáo L và bị cáo T là phù hợp.

- 01 xe mô tô hiệu Exiter, màu đỏ - đen, biển số 59F1-439.34 thuộc sở hữu của Huỳnh Văn S, bị cáo T thuê xe anh Sơn đi, sau đó dùng làm phương tiện phạm tội, anh Sơn không biết, hiện cơ quan CSĐT đã trả cho anh Sơn là phù hợp.

- 01 cây đoản lục giác, ống điếu số 8 và 01 tay quay của bị cáo L, bị cáo L sử dụng làm công cụ phạm tội nên áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự, Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy.

(Vật chứng hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức đang tạm giữ theo Quyết định chuyển vật chứng số 21/QĐ-KSĐT ngày 06-6-2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức và biên bản giao nhận vật chứng ngày 08-6-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức).

Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 23 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Chí L, Nguyễn Hoàng T phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 53, Điều 45, Điều 33 Bộ luật hình sự xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Chí L 02(hai) năm 06(sáu) tháng tù, thời gian tù tính ngày 20-02-2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 53, Điều 45, Điều 33 Bộ luật hình sự xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Hoàng T 01(một) năm tù, thời gian tù tính từ ngày 20-2-2017.

2. Áp dụng Điều 228 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tiếp tục tạm giam các bị cáo trong thời hạn 45(bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày 07-7-2017 để đảm bảo thi hành án.

3. Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Chí L và Nguyễn Hoàng T phải bồi thường cho anh Trần Ngọc X số tiền 14.240.000 đồng. Gia đình bị cáo Nguyễn Hoàng T đã nộp

trước số tiền là 7.120.000 đồng theo biên lai thu số 05987 ngày 05-7-2017 của chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức. Do đó buộc bị cáo Nguyễn Chí L phải có trách nhiệm bồi thường tiếp cho anh Trần Ngọc X số tiền 7.120.000 đồng.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, người có nghĩa vụ chậm trả tiền thì người đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

4. Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự, Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu sung tiêu hủy 01 cây đoản lục giác, ống điếu số 8 và 01 tay quay.

(Vật chứng hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức đang tạm giữ theo Quyết định chuyển vật chứng số 21/QĐ-KSĐT ngày 06-6-2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức và biên bản giao nhận vật chứng ngày 08-6-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức).

5. Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng(hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo Nguyễn Chí L phải chịu 356.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Long An;
- Sở tư pháp tỉnh Long An;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện Bến Lức;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Bến Lức;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Dương Ngọc Thành